

Vai trò chính sách và hiệu quả tín dụng hộ gia đình nông thôn Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới

PGS. TS. TÔ KIM NGỌC - ThS. VŨ THỊ KIM OANH

tiếp theo kỳ trước

1.2.3. Nhóm chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh ổn định

NHNN đã nỗ lực tạo lập và duy trì môi trường vĩ mô ổn định, kiểm soát lạm phát và tỷ giá. Tham gia bước đầu và tích cực vào quá trình Tái cấu trúc ngành nông nghiệp, cho vay theo chuỗi, hướng tới nền nông nghiệp sản xuất nông sản chất lượng cao dựa trên ứng dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật công nghệ cao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành khảo sát, nghiên cứu và xây dựng chính sách để triển khai chương trình (Quyết định số 889/2014/QĐ-TTg). Ban hành Quyết định 1050 về Chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết 14/NQ-CP của Chính phủ, nhằm khuyến khích các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gia tăng, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp với nhiều cơ chế cho vay đặc thù như lãi suất cho vay ưu đãi thấp hơn lãi suất cho vay thông thường từ 1- 1,5%/năm (lãi suất ngắn hạn khoảng 6,5%/năm, trung hạn 9,5%/năm và dài hạn 10%/năm). Mức cho vay lên đến 90% giá trị của phương án, dự án vay vốn. Sau hơn 1 năm triển khai, chương trình đã đạt được những kết quả tích cực. Tính đến cuối năm 2015, tổng số tiền đã giải ngân theo chương trình là 6.601 tỷ đồng, dư nợ đạt 2.160 tỷ đồng.

Các chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân đã hình thành những vùng nguyên liệu đạt các tiêu chuẩn như VietGAP, GlobalGAP, giá thành sản phẩm giảm giúp tăng khả năng cạnh tranh khi xuất khẩu vào các thị trường nước ngoài. Qua đó, các địa phương đã bước đầu hình thành các mô hình mẫu trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi liên kết, ứng

dụng công nghệ cao, như mô hình đầu tư chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ rau màu Antesco của CTCP Rau quả thực phẩm An Giang; mô hình liên kết đọc cá tra Tafishco của Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Thuận An, tỉnh An Giang; mô hình liên kết chuỗi trong sản xuất và xuất khẩu cá tra của nhóm Công ty Hùng Cá tỉnh Đồng Tháp; mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong đầu tư dây chuyền sản xuất nước chanh dây cô đặc và đầu tư nhà kính trồng hoa lan hồ điệp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trường Hoàng, tỉnh Lâm Đồng.

2. Khảo sát hiệu quả tín dụng hộ gia đình nông thôn Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới

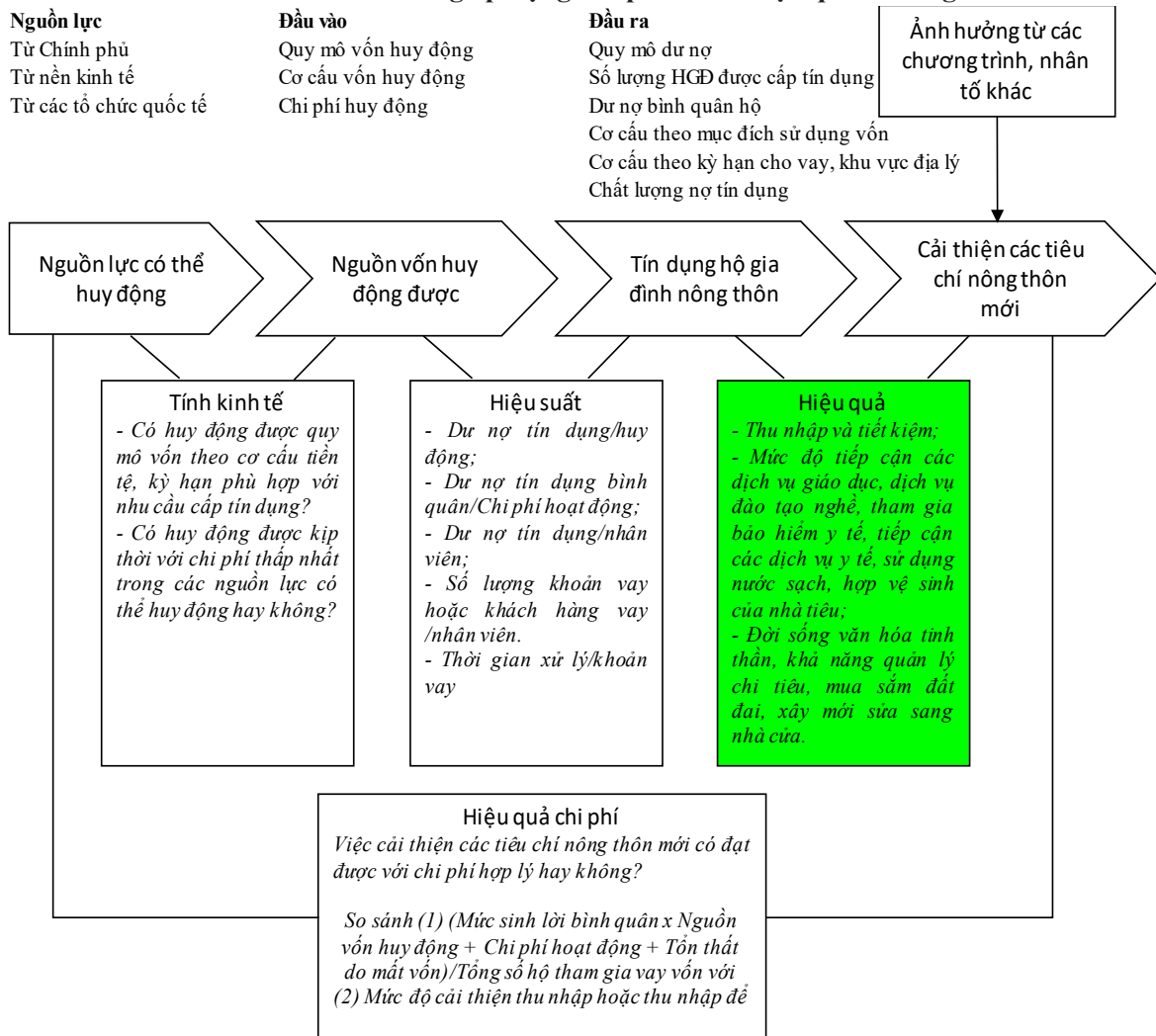
Việc ban hành các chính sách tín dụng đối với các hộ gia đình nông thôn kịp thời và phù hợp đã góp phần tạo nên hiệu quả tín dụng rõ ràng. Phần 2 của bài viết tập trung phân tích hiệu quả tín dụng hộ gia đình nông thôn Việt Nam, để qua đó cho thấy vai trò của chính sách tín dụng đối với các hộ gia đình nông thôn thời gian qua.

Khuôn khổ chung được chấp nhận rộng rãi khi thực hiện đánh giá một chương trình dự án thường tập trung vào 3 khía cạnh cơ bản: i) Tính kinh tế; ii) Hiệu suất và iii) Hiệu quả (Hình 4). Trước khi đi vào phân tích hiệu quả tín dụng hộ gia đình nông thôn, việc phân biệt rạch ròi giữa các khái niệm là bước đi cần thiết nhằm đảm bảo tính logic và sự hợp lý trong việc lựa chọn và xây dựng các chỉ tiêu (proxy) phản ánh tính hiệu quả. Cụ thể:

i) Tính kinh tế phản ánh sự kết nối giữa các nguồn lực có thể huy động và các yếu tố đầu vào mà tổ chức cung ứng tín dụng thực tế đã huy động



Hình 4. Khuôn khổ chung áp dụng khi phân tích hiệu quả chương trình



Nguồn: Mô phỏng của nhóm nghiên cứu

được. Bản chất của việc phân tích tính kinh tế là đi vào trả lời hai câu hỏi: *Có huy động được quy mô vốn theo cơ cấu tiền tệ, kỳ hạn phù hợp với nhu cầu cấp tín dụng? Có huy động được kịp thời với chi phí thấp nhất trong các nguồn lực có thể huy động hay không?*;

ii) Hiệu suất thể hiện khả năng cung ứng sản phẩm đầu ra trên cơ sở nguồn lực đầu vào đã huy động được. Hiệu suất thường được phản ánh bởi việc tối đa hóa sản phẩm đầu ra trên cơ sở nguồn lực cố định hoặc tối thiểu hóa đầu vào trong khi vẫn đảm bảo khối lượng sản phẩm đầu ra nhất định. Các tiêu chí về hiệu suất thường được phân tích thông qua các chỉ tiêu như khối lượng tín dụng được cung ứng trên mỗi đồng huy động hoặc chi phí hoạt động, dư nợ hoặc số lượng khoản vay được xử lý bởi mỗi nhân

viên hay thời gian xử lý trung bình một khoản cấp tín dụng...

iii) Khía cạnh thứ ba và cũng là trọng tâm chính của nghiên cứu là làm rõ tính hiệu quả. Có thể thấy, tín dụng hộ gia đình nông thôn mà một bộ phận cấu thành nguồn vốn tín dụng nói chung trong tổng thể các nguồn vốn được sử dụng để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới. Do đó, *vấn đề quan trọng nhất khi phân tích hiệu quả của tín dụng hộ gia đình nông thôn là làm rõ xem liệu việc sử dụng tín dụng hộ gia đình nông thôn có góp phần cải thiện được việc đạt được các tiêu chí nông thôn mới hay không*. Rõ ràng, tính hiệu quả đối với xã hội là trọng tâm cần được nhấn mạnh hơn thay vì xuất phát từ phía các tổ chức cung ứng tín dụng. Phần tiếp theo của nghiên cứu tiếp cận theo hướng

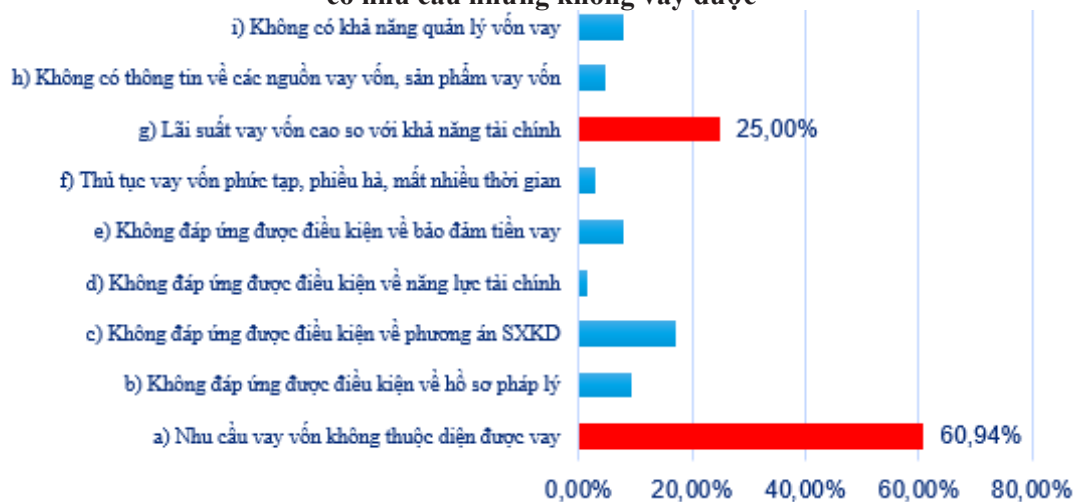


Bảng 1. Thống kê cơ bản của mẫu khảo sát liên quan tới mức thu nhập và tiết kiệm

Tiêu chí	Số hộ	Tỷ trọng	Tổng thu nhập	Tổng tiết kiệm	Thu nhập bình quân	Tiết kiệm bình quân
	Hộ	%	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng/hộ	Triệu đồng/hộ
Không vay	206	17,17	1.706	448,9	8,28	2,18
Không có nhu cầu	142	11,83	1.292	334	9,10	2,35
Có nhu cầu	64	5,33	414	115	6,46	1,79
Có vay	994	82,83	16.959	4918,71	17,06	4,95
Chỉ vay chính thức	932	77,67	14.243	4536,7	15,28	4,87
Chỉ vay phi chính thức	13	1,08	143	32	11,00	2,46
Vay cả hai	49	4,08	2.573	350,01	52,51	7,14
Tổng cộng	1.200	100	18.664	5.368	15,55	4,47

Nguồn: Theo kết quả khảo sát thực tế

Hình 5. Các nguyên nhân hạn chế khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các hộ gia đình có nhu cầu nhưng không vay được



Nguồn: Theo kết quả khảo sát thực tế

này.

Trong điều kiện không có nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập và thống kê phục vụ cho công tác đánh giá hiệu quả tín dụng hộ gia đình nông thôn, nhóm nghiên cứu đã tham gia và sử dụng nguồn dữ liệu do khảo sát 1.200 hộ gia đình nông thôn ở 8 tỉnh thành thuộc 3 khu vực Bắc, Trung, Nam bộ trong thời gian 3 tháng¹. Câu hỏi khảo sát tập trung vào thông tin liên quan tới mức thu nhập hộ gia đình, mức độ tiếp cận tín dụng, mục đích vay, hiệu quả sử dụng tiền vay, Phạm vi và đối tượng khảo sát đủ đa dạng, đảm bảo tính đại diện của mẫu khảo sát, cho phép rút ra những kết luận mang tính phổ quát cho cả chương trình trên quy mô toàn quốc. Các thông kê cơ bản của mẫu khảo sát liên quan tới mức thu nhập và tiết

¹ Hệ thống số liệu khảo sát được trích dẫn từ đợt khảo sát của nhóm nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước: Giải pháp tín dụng hộ gia đình trong xây dựng nông thôn mới do Học viện Ngân hàng chủ trì, quý I/ 2016

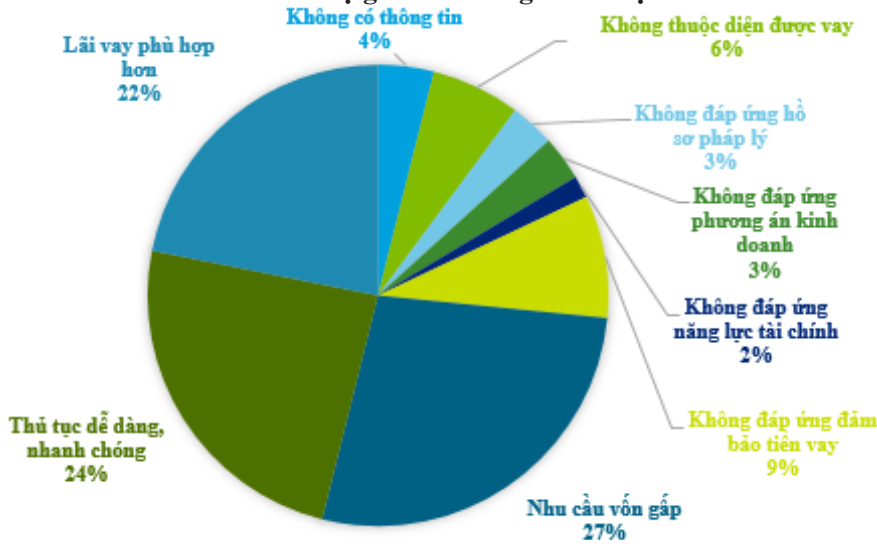
kiệm được trình bày trong Bảng 1.

Kết quả khảo sát cho thấy có hơn 82% hộ gia đình được tiếp cận với nguồn tín dụng, trong đó 81,75% được cấp tín dụng từ nguồn chính thức (82,83% hộ có vay trừ đi 1,08% chỉ vay phi chính thức). Trong hơn 17% hộ gia đình không vay vốn tín dụng có tới 5,33% hộ gia đình có nhu cầu vay vốn nhưng không được vay. Thống kê các số liệu thu nhập và tiết kiệm bình quân hộ đã chỉ ra rằng các hộ gia đình tham gia vay vốn có mức thu nhập và tiết kiệm cao hơn gấp khoảng 2 lần các hộ không tham gia vay vốn.

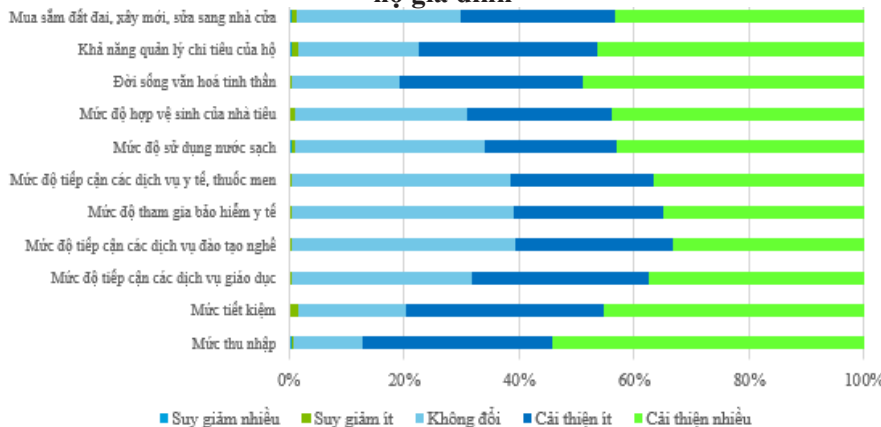
Ngoài 11,83% hộ gia đình không có nhu cầu vay vốn, có 64/206 hộ gia đình có nhu cầu vay vốn nhưng không vay được với các nguyên nhân được thống kê như trong Hình 5 cho thấy, trong đó, nhu cầu vay vốn không thuộc diện được vay và lãi suất vay vốn cao so với khả năng tài chính là hai nhân tố



Hình 6. Các nguyên nhân hạn chế khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam



Hình 7. Hiệu quả sau vay vốn tín dụng nông thôn chính thức của các hộ gia đình



Nguồn: Theo kết quả khảo sát thực tế

chính hạn chế khả năng tiếp cận tín dụng của những hộ có nhu cầu.

Theo quan sát giữa các hộ tham gia vay vốn, các hộ vay nguồn chính thức có mức thu nhập và tiết kiệm cao hơn các hộ vay nguồn phi chính thức. Cụ thể, thu nhập bình quân hộ gia đình tiếp cận tín dụng chính thức đạt hơn 15 triệu đồng, cao hơn 4 triệu đồng so với mức thu nhập bình quân của hộ gia đình chỉ tiếp cận nguồn tín dụng phi chính thức. Bên cạnh đó, mức tiết kiệm bình quân của hộ gia đình tiếp cận tín dụng chính thức đạt 4,87 triệu đồng, cao gấp đôi so với những hộ chỉ tiếp cận tín dụng phi chính thức. Điều này khá hợp lý bởi hai lý do: Thứ nhất, năng lực tài chính tốt hơn góp phần tăng khả năng tiếp cận tín dụng chính thức. Thứ hai, việc sử dụng tín dụng chính thức với nhiều ưu đãi và hỗ trợ

góp phần thúc đẩy thu nhập và tiết kiệm của các hộ gia đình. Đáng chú ý, những hộ gia đình tiếp cận cả hai nguồn tín dụng chính thức và phi chính thức đạt mức thu nhập (52,51 triệu đồng) và tiết kiệm bình quân (7,14 triệu đồng) cao hơn rất nhiều so với việc sử dụng đơn lẻ một nguồn tín dụng. Điều này phần nào cho thấy mức cấp tín dụng chính thức hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của các hộ gia đình; đồng thời, quy mô cấp tín dụng chính thức nếu được mở rộng hơn sẽ góp phần thúc đẩy mạnh hơn nữa mức thu nhập và tiết kiệm của các hộ gia đình nông thôn. Khảo sát lý do sử dụng nguồn vốn tín dụng phi chính thức cho thấy nhu cầu vốn gấp, thủ tục được xử lý dễ dàng, nhanh chóng và lãi suất vay phù hợp hơn (đối với trường hợp vay được người thân) là những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc sử dụng

tín dụng phi chính thức. Ngoài ra, không đáp ứng yêu cầu về bảo đảm tiền vay cũng góp phần hạn chế khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của các hộ gia đình (Hình 6).

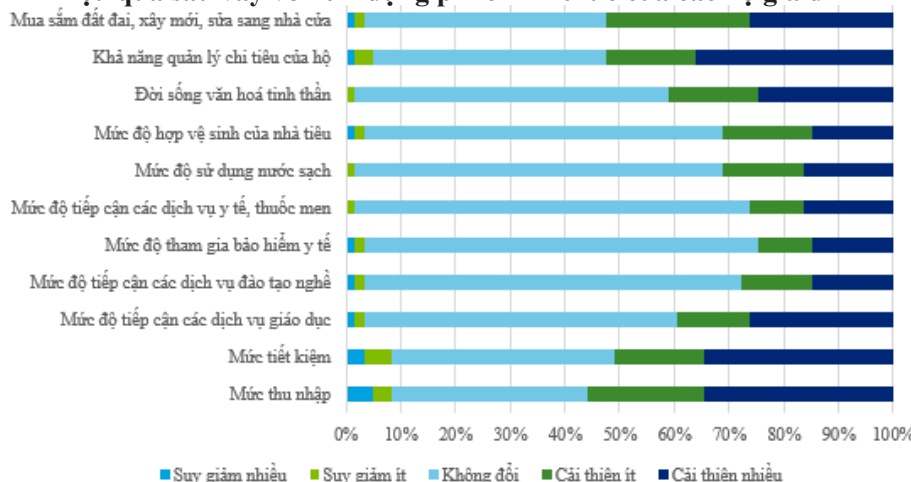
Hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính thức của các hộ gia đình nông thôn trong việc góp phần đạt được các tiêu chí nông thôn mới được minh họa trong Hình 7.

Theo đó, trên 60% hộ gia đình vay vốn đều được cải thiện xét trên tất cả các chỉ tiêu khảo sát, đặt biệt có gần 90% hộ gia đình vay vốn chính thức có mức thu nhập được cải thiện sau vay, trong đó trên 50% đạt mức cải thiện nhiều. Bên cạnh đó, sự cải thiện trong mức tiết kiệm và đời sống văn hóa tinh thần cũng được nhìn thấy ở gần 80% hộ gia đình. Vẫn có gần 40% hộ gia đình không cảm nhận được sự thay

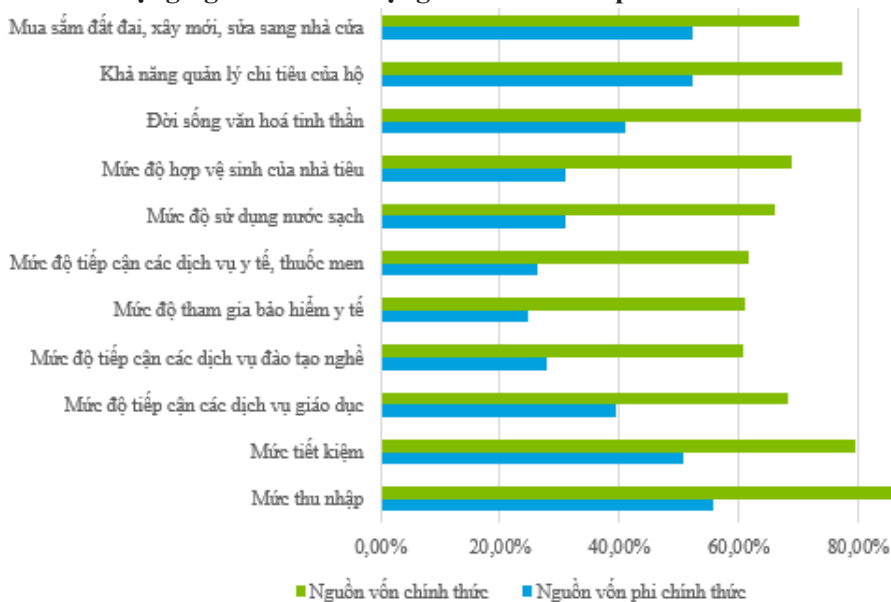


Hình 8.

Hiệu quả sau vay vốn tín dụng phi chính thức của các hộ gia đình



Hình 9. Tương quan mức độ cải thiện các tiêu chí nông thôn mới khi sử dụng nguồn vốn tín dụng chính thức và phi chính thức



Nguồn: Theo kết quả khảo sát thực tế

đổi trong mức độ tiếp cận các dịch vụ y tế, thuốc men, tham gia bảo hiểm y tế và khả năng tiếp cận các dịch vụ đào tạo nghề. Điểm tích cực khác cần được đề cập tới là rất ít hộ gia đình phải chứng kiến sự suy giảm trong các chỉ tiêu về nông thôn mới sau khi tiếp cận vốn tín dụng chính thức.

Hình 8 cho thấy, việc sử dụng vốn tín dụng phi chính thức phần nào đem lại hiệu quả trong việc cải thiện các chỉ tiêu nông thôn mới, trong đó cao nhất là cải thiện mức thu nhập, tiết kiệm, khả năng quản lý chi tiêu và mua sắm đất đai, xây mới, sửa sang nhà cửa.

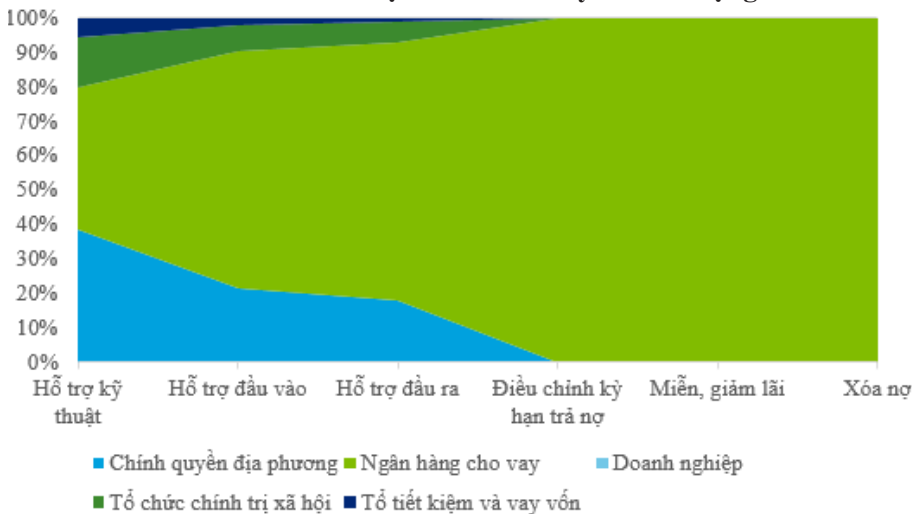
Tương tự với nguồn tín dụng chính thức, mức độ

tiếp cận các dịch vụ y tế, thuốc men, bảo hiểm y tế và dịch vụ đào tạo nghề chứng kiến mức cải thiện khiêm tốn nhất (mặc dù vẫn đạt trên 20%). Trong hầu hết tất cả các chỉ tiêu, trạng thái không thay đổi so với trước khi sử dụng tín dụng phi chính thức chiếm tỷ lệ áp đảo, thậm chí lên tới hơn 70% ở một số chỉ tiêu như mức độ tham gia bảo hiểm y tế. Đặc biệt, mức độ suy giảm nhiều được quan sát thấy nhiều hơn, nhất là hai chỉ tiêu mức thu nhập và tiết kiệm (đây cũng chính là hai chỉ tiêu có mức độ cải thiện sau vay vốn cao nhất). Lý giải điều này cho thấy tác động không mong muốn của nguồn tín dụng phi chính thức, nhất là đối với những người sử dụng tín dụng đen. Bởi lẽ với lãi suất cao, chỉ có dự án làm ăn kinh doanh thực sự khả thi và có mức sinh lời tốt mới có thể hấp thụ được áp lực về chi phí lãi. Nói cách khác, việc lạm dụng

đòn bẩy tài chính phi chính thức mà chưa được cân nhắc kỹ càng sẽ không những không góp phần cải thiện đời sống kinh tế của các hộ gia đình, mà thậm chí còn làm cho mức thu nhập và tiết kiệm suy giảm nghiêm trọng khi các điều kiện tiêu cực diễn ra. Kết quả thống kê theo Hình 9 cho thấy rõ hơn tương quan giữa việc sử dụng tín dụng chính thức và nguồn vốn phi chính thức trong cải thiện các chỉ tiêu nông thôn mới. Rõ ràng, hiệu quả đạt được trong việc sử dụng nguồn vốn chính thức là cao hơn đáng kể so với nguồn vốn phi chính thức xét trên tất cả các chỉ tiêu, thậm chí có những chỉ tiêu mà mức độ cải thiện ở các hộ gia đình sử dụng nguồn tín dụng



Hình 10. Các hình thức hỗ trợ đi kèm khi vay vốn tín dụng chính thức



Nguồn: Theo kết quả khảo sát

chính thức cao hơn gần gấp đôi so với việc sử dụng nguồn tín dụng phi chính thức như đời sống văn hóa tinh thần, mức độ hợp vệ sinh của nhà tiêu, mức độ sử dụng nước sạch, mức độ tiếp cận các dịch vụ y tế, thuốc men, tham gia bảo hiểm y tế, mức độ tiếp cận các dịch vụ đào tạo nghề...

Khả năng hỗ trợ các hộ gia đình đạt được sự cải thiện trong các tiêu chí nông thôn mới của nguồn vốn tín dụng chính thức một phần lớn được lý giải bởi các hỗ trợ đi kèm cung cấp cho các hộ gia đình vay vốn (Hình 10). Đây là điểm mà các hình thức tín dụng phi chính thức không có được. Các hỗ trợ đi kèm bao gồm nhiều hình thức từ hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật, cho tới các yếu tố đầu vào, đầu ra được cung ứng bởi chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, tổ hội tiết kiệm vay vốn, các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị và nhất là các ngân hàng cho vay. Đặc biệt, với chức năng của các trung gian tài chính thực hiện nhiệm vụ chính trị xã hội, các tổ chức cung ứng tín dụng hộ gia đình nông thôn còn có thể hỗ trợ cho các hộ gia đình bằng cách điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho phù hợp với dòng tiền của phương án sản xuất kinh doanh của các hộ gia đình, miễn giảm lãi nhằm giảm bớt áp lực tài chính hoặc thậm chí là xóa nợ trong những điều kiện nhất định như khi hộ gia đình chịu tác động tiêu cực bất khả kháng do thiên tai...

Có thể thấy, ngân hàng đóng vai trò chủ yếu trong việc cung cấp các hỗ trợ đi kèm cho các đối tượng vay vốn xét trên tất cả các phương diện. Đặc biệt,

là tổ chức cho vay nên TCTD là đơn vị duy nhất có thể hỗ trợ cho các hộ gia đình theo hướng điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, miễn giảm lãi và xóa nợ. Đây là đặc tính quan trọng củng cố vai trò của tín dụng ngân hàng đối với tín dụng hộ gia đình nông thôn.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị xã hội đóng vai trò quan trọng, nhất là trên phương diện hỗ trợ

kỹ thuật và hỗ trợ đầu vào. Ngoài ra, tổ tiết kiệm và vay vốn cũng có vai trò nhất định trong việc phối hợp với các ngân hàng cho vay để hỗ trợ cho các đối tượng vay vốn, sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay, góp phần gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ cho các ngân hàng.

Đáng lưu ý, theo kết quả khảo sát, các doanh nghiệp hầu như chưa tham gia việc hỗ trợ cho các hộ gia đình trên các phương diện. Điều này cho thấy liên kết giữa doanh nghiệp và hộ gia đình chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và tính chất của mỗi bên trong chuỗi giá trị. Đặc biệt là vấn đề hỗ trợ đầu ra cũng như hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật. Các doanh nghiệp cần quan tâm hơn tới chuỗi giá trị theo hướng liên kết ngược chiều để gia tăng và quản lý hiệu quả hơn chuỗi giá trị của Ngành.

3. Giải pháp tăng cường vai trò chính sách và hiệu quả tín dụng hộ gia đình nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

3.1. Nhóm giải pháp tăng cường khả năng cấp tín dụng của các tổ chức cung ứng tín dụng hộ gia đình nông thôn

3.1.1. Đa dạng hóa các nguồn vốn mà các tổ chức cấp tín dụng có thể cung ứng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn đồng thời nâng cao hiệu quả của các nguồn vốn tín dụng ưu đãi. Khai thác triệt để và phát huy tối đa hiệu quả các nguồn vốn tín dụng ưu đãi bao gồm các nguồn ủy thác từ các định chế tài chính quốc tế, các ngân hàng nước ngoài, các



tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình, dự án ký kết được. Các nguồn vốn ủy thác từ nước ngoài có tính chất ổn định trong một thời gian dài, rất phù hợp với nhu cầu cho vay trung, dài hạn phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong đó có kinh tế trang trại đòi hỏi vốn lớn, chi phí lãi thấp và kỳ hạn cho vay dài.

Chú trọng *công tác thu hút, khơi thông nguồn vốn từ trong cộng đồng dân cư*. Các ngân hàng và tổ chức tín dụng cần thành lập bộ phận chuyên trách và có chiến lược huy động vốn rõ ràng nhằm tăng cường khả năng huy động từ nguồn vốn này. Những người dân ở khu vực nông thôn thường có những khoản tiền nhàn rỗi nhỏ, lẻ, trong khoảng thời gian tương đối ngắn, do đó các sản phẩm và dịch vụ huy động tiết kiệm cần đa dạng và hấp dẫn không chỉ về lãi suất và kỳ hạn, mà còn về tính thanh khoản, đặc biệt là sự ưa thích của khách hàng đối với các khoản tiết kiệm có thể rút ra được bất kỳ ở đâu và lúc nào. Người gửi tiền nông thôn cũng có sự quan tâm đặc biệt với các sản phẩm như tiết kiệm gửi góp, tiết kiệm có dự thưởng và tiết kiệm theo lãi suất bậc thang...

Củng cố và nâng cao năng lực tài chính của các định chế tài chính cho vay lĩnh vực nông nghiệp nông thôn như NHNo, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các quỹ Tín dụng nhân dân. Tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng chủ chốt tham gia tài trợ tín dụng chương trình nông thôn mới như NHNo và NHCSXH. Trong năm 2016, Chính phủ cần trích tỷ lệ nhất định từ số tiền thoái vốn sở hữu của Nhà nước tại các doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa để tăng vốn điều lệ cho các các tổ chức cung ứng tín dụng hộ gia đình nông thôn kể trên.

3.1.2. Nâng cao khả năng cung ứng tín dụng hộ gia đình nông thôn của các tổ chức tài chính vi mô
Thứ nhất, cần xây dựng môi trường pháp lý đồng bộ, phù hợp với đặc thù của hoạt động tài chính vi mô (TCVM), tạo điều kiện cho việc nâng cao số lượng, đa dạng hóa loại hình tổ chức TCVM. Trên thực tế, việc chậm trễ ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động của các chương trình dự án tài chính vi mô (TCVM) theo quy định tại Luật các TCTD 2010 đã dẫn đến việc quản lý các chương trình dự án TCVM không thống nhất, đồng thời hạn chế sự phát

triển của thị trường TCVM ở Việt Nam.

Thứ hai, cần nâng cao năng lực của các tổ chức TCVM đã được NHNN cấp phép và các chương trình, dự án TCVM của các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp... như hướng dẫn hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, xây dựng cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ hiệu quả, đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững. Đặc biệt cần có chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự làm việc tại các tổ chức TCVM. Đội ngũ lao động làm việc cho các tổ chức này đa phần không được đào tạo bài bản, tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế do đa phần lao động đều làm việc kiêm nhiệm và được chuyển từ quá trình hoạt động xã hội, phong trào sang.

Thứ ba, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò và hiệu quả hoạt động của các tổ chức TCVM. Hiện nay, số lượng tổ chức TCVM chính thức hiện nay vẫn còn quá ít và quy mô vốn điều lệ quá nhỏ so với nhu cầu tiếp cận dịch vụ tài chính của người nghèo và người có thu nhập thấp, trụ sở của các tổ chức này tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Với các TCVM bán chính thức, hiện nay có khoảng 32 chương trình, dự án hoạt động rải khắp cả nước. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy số lượng người biết đến hoạt động của các tổ chức TCVM còn rất khiêm tốn, do đó, hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ các tổ chức này. Do đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động của các tổ chức TCVM cần được thực hiện rộng khắp trên phạm vi cả nước, đến những xã vùng sâu vùng xa, vùng còn khó khăn là đối tượng trực tiếp của tín dụng vi mô.

3.1.3. Khuyến khích các tổ chức tín dụng cạnh tranh mạnh mẽ ở khu vực nông nghiệp- nông thôn, mở rộng mạng lưới và đội ngũ nguồn nhân lực
Chính sách cần tiếp tục hướng vào việc khuyến khích các tổ chức tín dụng cạnh tranh mạnh mẽ ở khu vực nông nghiệp- nông thôn. Bởi vậy, các biện pháp điều hành cụ thể của Ngân hàng Nhà nước về cấp giấy phép mở phòng giao dịch, mở chi nhánh tổ chức tín dụng, cũng như tỷ lệ dự trữ bắt buộc, cho vay lãi cấp vốn, lãi suất... cũng cần tiếp tục được linh hoạt hơn nữa theo mục tiêu nói trên.



Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho các cán bộ ngân hàng nhằm xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp. Cho vay nông nghiệp nông thôn có đối tượng khách hàng chủ yếu là người nông dân, lao động phổ thông không được đào tạo bài bản về chuyên môn, kỹ thuật, thiếu kiến thức về các quy định của pháp luật; do đó, đòi hỏi đội ngũ cán bộ ngân hàng phải có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu về đặc thù ngành nghề của địa phương, am hiểu về pháp luật để có thể tư vấn hỗ trợ khách hàng tiếp cận được vốn vay.

3.1.4. Đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng nông thôn

Kết hợp nhiều phương thức cho vay linh hoạt như phương thức cho vay dự án đầu tư, cho vay hợp vốn, cho vay hạn mức tín dụng, cho vay theo niên vụ cây trồng, cho vay tiêu dùng nông nghiệp... nhằm giúp cho người vay chủ động hơn trong việc sử dụng vốn phù hợp với chu kỳ sản xuất trong nông nghiệp. Đặc biệt, phát triển loại hình tín dụng cho thuê tài chính và cho vay theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là hướng đi trong thời gian tới với những ưu điểm nổi bật.

Mở rộng thị trường cho thuê tài chính nông thôn sẽ khắc phục hạn chế về tài sản đảm bảo nợ vay bởi lẽ tài sản thuê tài chính chính là tài sản đảm bảo cho các ngân hàng do các ngân hàng vẫn nắm quyền sở hữu tài sản, do đó, không đòi hỏi thêm tài sản thế chấp. Bên cạnh đó, cho thuê tài chính còn đảm bảo được mục đích sử dụng vốn của khoản vay bởi vốn vay đã được cụ thể hóa bằng những tài sản thuê tài chính. Ngoài ra, hoạt động cho thuê tài chính còn giúp các hộ sản xuất đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với qui mô vốn lớn và thời gian cho thuê trung, dài hạn (5- 10 năm), đáp ứng nhu cầu vốn, thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn.

Đặc biệt, cần chú trọng phát triển các sản phẩm cho vay theo chuỗi giá trị đối với hộ sản xuất, doanh nghiệp vừa và nhỏ, từ khâu nuôi trồng, thu mua, chế biến cho đến tiêu thụ sản phẩm, cho vay mở rộng đầu vào lĩnh vực nghiên cứu công nghệ sinh học, tạo ra giống, cây trồng mới... có giá trị thương mại cao.

3.1.5. Xác định mức lãi suất phù hợp với từng đối

tượng vay vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động tín dụng khu vực nông nghiệp nông thôn

Cần xác định mức lãi suất phù hợp với từng đối tượng vay vốn. Người nghèo- đối tượng phục vụ chính của các chương trình tín dụng nông thôn thường được cho là không đủ sức trả lãi theo mức lãi suất thị trường, do vậy, lãi suất cho vay thường được trợ cấp rất nhiều, thấp hơn mức lãi suất phổ biến trên thị trường. Tuy nhiên, chính sự chênh lệch lãi suất này tạo ra những hạn chế của cơ chế xin cho, tín dụng có thể sẽ không đến được đúng đối tượng cần phục vụ, bóp méo ý nghĩa của nguồn tín dụng giá rẻ. Mặt khác, người được vay vốn giá rẻ có xu hướng xem tín dụng là một hình thức trợ cấp nên dễ nảy sinh tâm lý chây ì và ít có trách nhiệm đối với việc hoàn trả vốn. Ngoài ra, kinh nghiệm tại nhiều nước cho thấy tín dụng được trợ cấp không phải là chìa khóa cho thành công của tín dụng nông nghiệp. Nhu cầu chính của người nghèo là dễ dàng và nhanh chóng vay được vốn, với thủ tục đơn giản và giải ngân nhanh chóng, chứ không phải lãi suất thấp. Do vậy, để bảo đảm khả năng phát triển bền vững về dài hạn, một chương trình tín dụng cần phải áp dụng chính sách lãi suất phù hợp, đủ để trang trải chi phí hoạt động cũng như bảo vệ giá trị thực của nguồn vốn, song cũng phải tạo ra những hỗ trợ nhất định phù hợp với khả năng tài chính của số đông người vay vốn.

Bên cạnh đó, cơ sở để giảm lãi suất còn có thể đạt được từ việc thực hiện triệt để quá trình tái cấu trúc ngân hàng Agribank... cơ cấu lại mạng lưới chi nhánh, mô hình quản trị nhằm tiết giảm và quản lý hiệu quả chi phí hoạt động, tạo cơ sở giảm lãi suất cho vay tín dụng nông thôn. Tiến hành đổi mới toàn diện mô hình tổ chức, mạng lưới kinh doanh theo mô hình ngân hàng thương mại hiện đại, tinh giảm trung gian, tăng năng lực cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh; nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân sự thông qua công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ tài chính nông thôn, cũng như các kiến thức về sản xuất nông nghiệp để có thể đưa ra các đề xuất tín dụng hiệu quả; đơn giản hoá các thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng dễ dàng và nhanh chóng vay được vốn với chi phí thấp.



3.2. Nhóm giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các hộ gia đình nông thôn

3.2.1. Minh bạch, chuẩn hóa quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn

Theo kết quả điều tra, một trong những nguyên nhân khiến người vay vốn ngại tiếp cận các TCTD chính thức chính là thủ tục vay vốn phức tạp, rườm rà. Do đó, các tổ chức cung ứng tín dụng nông nghiệp nông thôn cần thực hiện đơn giản hóa thủ tục vay vốn tiết giảm chi phí giao dịch cho các hộ gia đình nông thôn. Đồng thời, cần nghiên cứu điều chỉnh linh hoạt điều kiện cho vay phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp, cải thiện điều kiện tiếp cận vốn, kể cả điều kiện về tài sản thế chấp... Các tổ chức cung ứng tín dụng hộ gia đình nông thôn cần ban hành văn bản nội bộ thống nhất trong hệ thống quy trình xử lý khoản vay chuẩn hóa về mặt thời gian xử lý, công khai rộng rãi tới các hộ gia đình nông thôn có nhu cầu vay vốn, tạo cơ chế giám sát của người dân đối với quá trình xử lý hồ sơ của các cán bộ tín dụng. Trên cơ sở đó, thiết kế được các sản phẩm với quy trình ngày càng hợp lý đồng thời xây dựng thành công chi phí tiêu chuẩn (*standard cost*) cho từng bước trong chu trình cho vay, cung cấp thông tin cần thiết trong việc xây dựng sản phẩm và bố trí hợp lý nguồn nhân lực.

3.2.2. Mở rộng phạm vi đối tượng được tiếp cận tín dụng hộ gia đình nông thôn

Các tổ chức cung ứng tín dụng hộ gia đình nông thôn cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị- xã hội như Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội khác nhằm triển khai tích cực và rộng rãi hơn nữa các mô hình cho vay trực tiếp song phương, cho vay tín chấp hoặc cho vay qua tổ tiết kiệm vay và vay vốn. Để gắn chặt quá trình khép kín đầu vào- sản xuất- đầu ra trong sản xuất và tiêu thụ nông sản phẩm, cần phát triển các mô hình cho vay trực tiếp đa phương có sự tham gia của bên cung ứng, bên tiêu thụ sản phẩm, cho vay theo chuỗi giá trị từ khâu cung ứng vật tư thiết bị, nuôi trồng, chế biến cho đến tiêu thụ sản phẩm. Các hợp đồng bán sản phẩm cho các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm của các hộ sản xuất, chủ trang trại và hợp đồng bán sản phẩm của các doanh nghiệp

chế biến, tiêu thụ sản phẩm với các công ty trong và ngoài nước có thể được xem xét để trở thành tài sản đảm bảo nợ vay đối với các trang trại, hộ sản xuất và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Việc huy động được các tổ chức chính trị- xã hội tham gia vào quá trình cấp tín dụng sẽ gia tăng mức tín nhiệm của các hộ gia đình, đồng thời mở rộng các hình thức tài sản đảm bảo được chấp nhận là quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng cung ứng sản phẩm đầu ra sẽ cải thiện đáng kể cơ hội được cấp tín dụng cho các hộ gia đình nông thôn.

3.2.3. Phát triển bảo hiểm nông nghiệp giảm thiểu rủi ro hệ thống của lĩnh vực nông nghiệp nông thôn

Phát triển bảo hiểm nông nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro hệ thống của lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Theo đó, cần nâng cao nhận thức cho nông dân (ngay cả cán bộ cấp cơ sở) về bảo hiểm nông nghiệp để người nông dân hiểu biết rõ về quyền lợi và trách nhiệm khi tham gia bảo hiểm trong lĩnh vực này. Đặc biệt, đối với những hộ vay vốn sản xuất, cần có cam kết tham gia bảo hiểm nông nghiệp để tránh nguy cơ rủi ro. Bên cạnh đó, trong ngắn hạn, khi thu nhập của các hộ nông dân còn ở mức rất thấp, cần nghiên cứu điều chỉnh tăng khung hỗ trợ phí bảo hiểm cho các hộ cận nghèo. Ngoài ra, các doanh nghiệp tham gia bảo hiểm nông nghiệp cần nâng cao năng lực chuyên môn trong thẩm định, đánh giá tổn thất, để tránh sự lúng túng trong đánh giá tổn thất hoặc trục lợi từ những hoạt động bảo hiểm. Việc giám sát rủi ro và phòng chống trục lợi bảo hiểm có ý nghĩa then chốt cho sự phát triển bền vững của bảo hiểm nông nghiệp. Trong năm 2016, cần sớm sơ kết, tổng kết, đánh giá sát quá trình triển khai thời gian qua để thực hiện có hiệu quả Nghị định 55/2015 của Chính phủ trong thời gian tới. Thực chất nguyên nhân chính yếu khiến thị trường bảo hiểm nông nghiệp không phát triển mặc dù Chính phủ đã có nhiều giải pháp hỗ trợ liên quan tới phí bảo hiểm, là do khu vực nông nghiệp quá rủi ro dẫn tới tỷ lệ bồi thường tổn thất bảo hiểm thường rất cao, các doanh nghiệp bảo hiểm không có nhiều động lực phát triển mảng bảo hiểm nông nghiệp (doanh thu bảo hiểm nông nghiệp thường chỉ chiếm 1% doanh thu bảo hiểm của các công ty bảo hiểm). Những rủi ro từ khu vực nông nghiệp thường xuất



phát từ những biến đổi khí hậu toàn cầu, các hiện tượng thời tiết cực đoan hoặc thiên tai, dịch họa. Ngoài ra, rủi ro lớn khác cần phải đề cập tới là rủi ro biến động giá nông sản do Việt Nam chưa thiết lập được nhiều nông sản có đặc tính riêng có của Việt Nam theo chiến lược khác biệt hóa về sản phẩm (cho phép là người thiết lập giá trên thị trường) mà phần lớn đang sản xuất các sản phẩm cạnh tranh về giá (theo đó Việt Nam là quốc gia chấp nhận giá trên thị trường). Chính vì vậy, cần tăng cường năng lực dự báo và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu cũng như khả năng dự báo giá cả hàng hóa nông sản giảm thiểu rủi ro về giá.

3.2.4. Thực hiện kịp thời các biện pháp khoan nợ, hỗ trợ lãi suất và xây dựng cơ chế cho vay đặc biệt đối với những khu vực chịu ảnh hưởng từ các nguyên nhân bất khả kháng

Trong thực tế, các tổ chức cung ứng tín dụng hộ gia đình nông thôn dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn của NHNN đã triển khai tích cực nhiều biện pháp liên quan tới khoan nợ và hỗ trợ lãi suất khi thực hiện cho vay nông nghiệp nông thôn. Tuy nhiên, quá trình triển khai cơ chế đôi khi còn chậm, dẫn tới các biện pháp không được triển khai kịp thời, hạn chế khả năng hỗ trợ cho các hộ gia đình nông thôn khôi phục sản xuất kinh doanh. Do đó, cần giảm thiểu tới đa thời gian từ lúc ghi nhận thực tiễn tới khi ban hành các văn bản chính sách hỗ trợ.

Ngoài ra, cơ chế cho vay của một số tổ chức cung ứng tín dụng còn quy định khi tỷ lệ nợ xấu tại chi nhánh nào vượt quá một mức nhất định (giả sử 5%), chi nhánh đó không được tiếp tục giải ngân mà phải tập trung thu hồi nợ. Quy định này một mặt góp phần kiểm soát tốc độ gia tăng của quy mô nợ xấu, tuy nhiên, đối với những chi nhánh hoạt động ở những địa bàn nông nghiệp, nông thôn, cơ chế này mặt khác sẽ hạn chế đáng kể khả năng tiếp cận tín dụng của các hộ gia đình khi cả khu vực địa bàn chịu ảnh hưởng từ các nguyên nhân bất khả kháng. Chính vì vậy, cần xây dựng cơ chế cho vay đặc biệt đối với những chi nhánh có địa bàn hoạt động đặc biệt.

3.3. Các giải pháp tăng cường khả năng hấp thụ vốn của các hộ gia đình nông thôn

Đẩy mạnh các chính sách phát triển nông thôn, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn gắn với tái cơ cấu khu vực nông nghiệp nông thôn là giải pháp quan trọng nhất tăng cường khả năng hấp thụ vốn của các hộ gia đình nông thôn. Theo đó, cần:

Thứ nhất, chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở bảo chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Trước hết, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn để có điều kiện ứng dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến cho những cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế, tính hàng hóa cao, chuyên canh để có nông sản hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Hiện nay, tại nhiều địa phương vẫn còn tình trạng tự cung tự cấp, đặc biệt là tự cung, tự cấp về lương thực của từng vùng, từng địa phương. Điều này dẫn đến việc lãng phí nguồn lực, không phát triển được lợi thế, thế mạnh của từng vùng, sản xuất nông nghiệp không hiệu quả, các chương trình tín dụng nông thôn sẽ khó phát huy được hiệu quả của mình. Việc xây dựng các vùng kinh tế chuyên canh nhằm hướng tới một nền nông nghiệp được chuyên môn hóa cao, các vùng kinh tế nên được hình thành dựa trên tiềm năng, lợi thế của vùng, gắn với nhu cầu của thị trường, xóa bỏ tình trạng chia cắt về thị trường giữa các vùng. Do đó, mỗi địa phương cần đặt mình trong một thị trường thống nhất, không chỉ là thị trường cả nước mà còn là thị trường quốc tế, trên cơ sở đó xác định những khả năng, thế mạnh của mình để tập trung phát triển, tham gia vào quá trình phân công và hợp tác lao động một cách có hiệu quả.

Thứ hai, đưa nhanh khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng giống cây trồng, giống vật nuôi, kỹ thuật canh tác và môi trường, công nghệ sau thu hoạch; ứng dụng mạnh công nghệ sinh học và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi... Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản... Nhìn vào kinh nghiệm phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Israel- đất nước với 2,5% dân



số làm nông nghiệp nhưng kim ngạch xuất khẩu nông sản đứng thứ hai trên thế giới đã cho thấy phát triển nông nghiệp công nghệ cao là hướng đi tất yếu nhằm tạo nên những đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nông nghiệp, tạo đà cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân.

Thứ ba, để thực hiện CNH- HĐH khu vực nông thôn rất cần có sự phối hợp mạnh mẽ từ bốn “nhà”. Hiện nay phát triển nông nghiệp của Việt Nam vẫn mang nặng tính tự phát, manh mún, nhỏ lẻ, sự phối hợp của bốn nhà (Nhà nước- Nhà khoa học- Doanh nghiệp- Nông dân) còn rất lỏng lẻo, chưa phát huy được hết khả năng của các bên nên hiệu quả chưa cao, rủi ro trong nông nghiệp còn nhiều, ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả của tín dụng nông nghiệp. Để thực hiện CNH-HĐH nông thôn thì vai trò của bốn nhà là vô cùng quan trọng. Trong đó, chức năng, nhiệm vụ của mỗi nhà phải được cụ thể hóa. Đối với nhà nông, đa số nông dân còn chậm tiếp cận thông

tin thị trường, thiếu kiến thức và khó tính toán được chiến lược lâu dài. Đối với doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp hiện nay còn ngần ngại đầu tư cho sản xuất nông nghiệp do vốn đầu tư lớn nhưng lại rủi ro cao và thu hồi chậm. Đối với nhà khoa học, hiện nay do chưa có sự kết nối giữa các “nhà” nên nhiều khi gặp khó khăn về đầu ra cho các sản phẩm khoa học công nghệ, chưa liên kết được với người dân để “xã hội hóa” các sản phẩm công nghệ một cách hiệu quả. Do đó, rất cần có cơ chế tạo nên sự phối hợp, gắn bó chặt chẽ giữa bốn nhà, hình thành nên những chuỗi giá trị trong nông nghiệp, đem lại lợi ích cho tất cả các bên. Nhà nước đóng vai trò là nhạc trưởng để tạo ra một hành lang pháp lý phù hợp, đảm bảo cho sự liên kết 3 nhà còn lại chặt chẽ và hiệu quả. Các nhà khoa học có vai trò quan trọng trong việc tạo “đầu vào” có chất lượng cao, giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm nhờ công nghệ... Doanh nghiệp giữ vai trò quan trọng liên kết

xem tiếp trang 26

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động TCVM của Nhóm công tác TCVM và Báo cáo hoạt động năm 2014 của Quỹ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm;
2. Danh bạ các tổ chức TCVM Việt Nam, báo cáo tài chính các Ngân hàng;

SUMMARY

Rural Household Credit Policy and its Effectiveness in the Scope of New Countryside Program

Based on the data collected from the survey of 8 provinces (in the North, Middle and the South of Vietnam) in the first quarter of 2016, using general framework of effective analysis, the paper has evaluated effectiveness and efficiency of bank credit to households in rural area after 5 year running New Countryside Program. The findings have pointed out some achievements but limitations are dominant that calls for further improvement in policy mix for the Program in period of 2016-2020. The paper starts with the current credit policy for the New Countryside Program. An evaluation of 5 year effectiveness running the Program is presented in the second part and the last will be continued with a packet of recommended measures for the next 5 years.

Key words: Credit policy, Rural household, Credit efficiency, New Countryside Program.

Ngoc Kim To, Assoc. Prof. PhD.

Oanh Thi Kim Vu, M.Ec.

Working Organization: Banking Academy

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Tô Kim Ngọc, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế vĩ mô, Chính sách tiền tệ, tài khóa, đầu tư, giám sát tài chính và ổn định tài chính, Chính sách tài chính phát triển

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Tạp chí Chứng khoán

Email: ngoctk@hvn.edu.vn

Vũ Thị Kim Oanh, Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế vĩ mô, Quản trị ngân hàng, Công cụ phái sinh, Dự án đầu tư, Tài chính doanh nghiệp

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Tạp chí Thị trường Tài chính- Tiền tệ

Email: oanhvtk@hvn.edu.vn



This article investigates the existence of size and value effect in Vietnam stock market. We employ quantitative analysis for the period from 01/2010 to 12/2014. We find that there is no evidence to support size effect in Vietnam stock market. Moreover, we examine the value effect when the value is proxied by ME/BE and results support previous results when portfolios are sorted according to EP, CP, DP but not BM.

Keywords: stock returns, size effect, value effect.

Vinh Xuan Vo, Assoc. Prof. PhD.

Working Organization: University of Economic Hochiminh City

Phong Van Vo, MEd.

Working Organization: Ho Chi Minh City Department of taxation, County Tax of Three District

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Võ Xuân Vinh, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Khoa ngân hàng, Trường Đại học kinh tế Tp HCM và Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG) Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô, Tài chính, Ngân hàng, Quản trị doanh nghiệp

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Global Finance Journal; Research in International Business and Finance; Applied Financial Economics; Applied Economics; International Review of Financial Analysis; Emerging Markets Finance and Trade; Contemporary Studies in Economic and Financial Analysis; International Finance Review; Journal of Multinational Financial Management, Emerging Markets Review; The Business Review, Cambridge; Academy of Taiwan Business Management Review; Afro-Asian Journal of Finance and Accounting; International Journal of Banking, Accounting and Finance; International Journal of Monetary Economics and Finance; Tạp chí Phát triển Kinh tế, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ, Tạp chí Công nghệ ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng

Võ Văn Phong, Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Chi cục Thuế Quận 3 - Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô, Tài chính, Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí công nghệ ngân hàng, Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP Hồ Chí Minh.

Email: vvphong.hcm@gdt.gov.vn

tiếp theo trang 18

“3 nhà” còn lại để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất; hỗ trợ đầu vào và thu mua sản phẩm cho nông dân, từng bước tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản. Đối với nhà nông là những người trực tiếp thực hiện sản xuất, canh tác cần phải chủ động nâng cao kiến thức để tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới, sát cánh với doanh nghiệp để sản xuất những sản phẩm hiệu quả kinh tế cao.

Thứ tư, thực hiện đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho nông dân và lao động nông thôn. Nghiên cứu thực trạng đã cho thấy nông dân và lao động nông thôn đa phần là không được đào tạo và cập nhật tiến bộ về giống, kỹ thuật chăm sóc, không có tay nghề chuyên môn vững vàng. Tại các địa phương, đối tượng lao động phổ thông không có việc làm dư thừa khá nhiều, khiến cho công tác ổn định an ninh trật tự, phát triển kinh tế gặp rất nhiều khó khăn. Hơn nữa, với những lao động không có tay nghề thường rất khó có khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, hoặc tiếp cận được nhưng không có khả năng xây dựng phương án sử dụng vốn một cách có hiệu quả. Việc đào tạo nghề, nâng cao trình độ, nhận thức cho nông dân và lao động

nông thôn có ý nghĩa thiết thực đối với quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới, phát huy hiệu quả của nguồn vốn tín dụng, cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần cho người dân. Việc thực hiện đào tạo nghề phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động thật sự của các doanh nghiệp trên địa bàn, dựa trên nhu cầu thực tế về nghề nghiệp của người dân, đồng thời phải gắn với giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động tại địa phương, gắn với xóa đói giảm nghèo và góp phần bảo đảm an sinh xã hội ở nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới. ■

tiếp theo trang 7

cho các định chế trung gian và cho hệ thống, Hội đồng các Cơ quan Giám sát Tài chính cần hoạt động thường xuyên trong thời kỳ kinh tế bình thường cũng như trong giai đoạn khủng hoảng tài chính. Mỗi Quý các cơ quan chức năng họp một phiên, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường để cùng thảo luận chính sách chung trong giai đoạn kiểm soát hoặc giải quyết khủng hoảng hoặc khi trong nền kinh tế và thị trường xuất hiện những dấu hiệu bất ổn đòi hỏi phải được giải quyết nhanh chóng. ■